TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh P

Bản án số: 191/2025/HS-ST
Ngày: 23- 9- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Khanh

Ông Phạm Minh Khiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 152/2025/TLST-HS, ngày 10 tháng 9 năm 2025 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 293/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh năm 19xx, tại H; Hộ khẩu thường trú: Số Axx Chung cư H, số 3x đường T, phường B, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Quang D, sinh năm 19xx(đã chết) và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 19xx(đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Phùng Thị H và có 03 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.Bị cáo bị tạm giữ ngày 19/6/2025 đến ngày 29/8/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Trần Thị T, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 4xx đường H, phường x, quận 1x, Thành phố H(nay là phường D)(Vắng mặt)

2/Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 6x đường T, phường B, quận B1, thành phố H(nay là phường B) (Vắng mặt);

3/Ông Trần Quốc V, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 66/x hẻm x, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ(nay là phường T)(Vắng mặt);

4/Ông Trần Văn C, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 43/x đường N, phường H, quận X, Thành phố H(nay là phường T)(Vắng mặt).

5/Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 4xx đường N, phường T, quận B1, Thành phố H(nay là phường T)(Vắng mặt);

6/Ông Mai Thế H, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 6x đường A, phường 1x, quận X, Thành phố H(nay là phường B)(Vắng mặt);

7/Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 19xx; Trú tại: Số Bxx tổ x khu phố X, phường Đ, Thành phố H(Vắng mặt);

8/Ông Phạm Thanh P, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 8x đường T, phường T,Thành phố H(Vắng mặt);

9/Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 20xx; Trú tại: Số 2x đường P, xã T, tỉnh T(Vắng mặt);

10/Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 19xx; Trú tại: Tổ 1x khu phố K, xã C, tỉnh T(Vắng mặt);

11/Bà Phùng Thị H, sinh năm 19xx; Trú tại: Số x chung cư H, số 3x đường T, phường B, quận B1, Thành phố H(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 5/2024, Nguyễn Văn P sử dụng tài khoản mạng xã hội Fcebook của mình để vào các hội nhóm trên Fcebook (hội nhóm tài xế, hội nhóm Grab…), sau đó quảng cáo việc cho vay tiền (có kèm số điện thoại 0899.829.886 – là số điện thoại của P) trên các hội nhóm này, mục đích là để ai có nhu cầu vay tiền thì liên hệ với P. Sau đó đã có nhiều người liên hệ với P để vay tiền, P thường hẹn gặp trực tiếp người muốn vay tiền để thỏa thuận số tiền vay, số tiền lãi phải trả, thời gian vay… ngày 11/6/2025, P bị Công an phát hiện và khám xét khẩn cấp tại phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh. Từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2025 P đã cho 10 người vay tiền có tính lãi suất, gồm những người sau:

(1) Trần Thị Thanh T: Ngày 08/05/2025 T gặp P để thỏa thuận vay tiền với P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau: vay số tiền 4.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi 40.000 đồng), tương đương lãi suất là 01% ngày tương ứng 365%/năm, số tiền T phải trả sau khi kết thúc dây vay là 5.000.000 đồng. Trả phí hồ sơ 200.000 đồng (chỉ trả khi vay lần 1, các lần vay sau không thu). Thanh toán trước 02 ngày là 400.000 đồng. P chuyển tiền vay lần vay đầu tiên ngày 08/5/2025 bằng chuyển khoản từ tài khoản của vợ P là Phùng Thị H số 5552xxxxxx- PHUNG THI H- Ngân hàng T với số tiền 3.400.000 đồng, còn lại các lần vay khác thì P chuyển tiền cho T từ tài khoản

của P số 662866666xxx -NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của T số 170619829999xx-TRAN THI T T-T. T trả góp cho P bằng chuyển khoản từ các tài khoản của T số 00710023782xx-TRAN THI T T-V, số 88711233xx-TRAN THI T T-BIDV và số 170619829999xx-TRAN THI T T-T đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Các lần vay như sau: Nguyễn Văn P cho T vay tổng cộng 30 lần, trong đó đã tất toán 29 lần vay (các lần vay này từ ngày 08/5/2024 đến ngày 22/5/2025), riêng lần thứ 30 vào ngày 05/06/2025, T đã chuyển được 7 ngày, còn nợ 18 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên T không chuyển khoản tiếp nữa. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 08/05/2024, P cho T vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi 40.000 đồng). Số tiền đã đóng sau khi kết thúc dây nợ này là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 1.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay này là 55.533 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 944.467 đồng, phí hồ sơ là 200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 1.144.467 đồng.

Tương tự từ lần 2 đến lần 29 (Gồm các ngày: 18/05/2024 (lần 2), 07/06/2024 (lần 3), 19/06/2024 (lần 4), 29/6/2024 (lần 5), 21/07/2024 (lần 6), 04/08/2024 (Lần 7), 15/08/2024 (lần 8), 29/08/2024 (lần 9), 10/09/2024 (lần 10), 23/09/2024 (lần 11), 08/10/2024 (lần 12), 21/10/2024 (lần 13), 01/11/2024 (lần 14), 14/11/2024 (lần 15), 25/11/2024 (lần 16), 10/12/2024 (lần 17), 24/12/2024 (lần 18), 06/01/2025 (lần 19), 20/01/2025 (lần 20), 12/02/2025 (lần 21), 24/02/2025 (lần 22), 11/03/2025 (lần 23), 23/03/2025 (lần 24), 05/04/2025 (lần 25), 16/04/2025 (lần 26), 28/04/2025 (lần 27), 11/05/2025 (lần 28), 22/05/2025 (lần 29)), mỗi lần vay (đã tất toán xong các dây vay này) P cho vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi 40.000 đồng). Số tiền đã đóng sau khi kết thúc từng lần vay này là 5.000.000 đồng, trong số tiền lãi phải trả của từng lần vay là 1.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên từng dây vay là 55.533 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu trên từng dây vay là 944.467 đồng, các lần vay này không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền thu lợi bất chính của từng dây vay là 944.467 đồng.

Riêng lần thứ 30, ngày 05/06/2025, P cho T vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi 40.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 1.000.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 55.533 đồng). T mới trả được 07 ngày, còn lại 18 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà T đã đóng của lần vay thứ 30 là

200.000 đồng x 07 ngày = 1.400.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thực tế đã thu là 40.000 đồng x 7 ngày = 280.000 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã thu là 15.549 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu trên dây vay sau khi trừ đi lãi suất theo Bộ luật Dân sự 264.451 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền P thu lợi bất chính là 264.451 đồng.

Số tiền nợ gốc mà T còn phải trả cho P là 160.000 đồng x 18 ngày = 2.880.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho Trần Thị Thanh T vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 30 lần là 120.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 29.480.000 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 1.626.016 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 27.853.984 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(2) Nguyễn Hữu Đ: ngày 13/02/2025 Đ gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau:

Vay số tiền 20.000.000 đồng. Vay trong 13 ngày, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng (tiền gốc là 1.538.462 đồng và tiền lãi là 461.538 đồng), tương đương lãi suất 2,31%/ngày tương ứng 842,31%/năm), số tiền Đ phải trả sau khi kết thúc lần vay là 26.000.000 đồng. Trả phí hồ sơ 1.000.000 đồng (Các lần vay đều thu phí hồ sơ). Thanh toán trước 02 ngày là 4.000.000 đồng.

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của Đ số 10620843009014-NGUYEN HUU DINH-T. Đ trả cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của Đ số 10620843009014-NGUYEN HUU DINH-T đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T hoặc có ngày thì Đ trả bằng tiền mặt cho P.

Các lần vay như sau: P cho Đ vay tổng cộng 10 lần từ ngày 13/02/2025 đến ngày 06/6/2025, đã hoàn tất 09 dây, còn dây thứ 10 ngày 06/6/2025 đóng được 05 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên Đ không chuyển khoản nữa. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/02/2025, P cho Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn đóng 13 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền gốc là 1.538.462 đồng và tiền lãi là 461.538 đồng). Số tiền Đ đã đóng sau khi kết thúc dây nợ này là 26.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 6.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 144.387 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 5.855.613 đồng, phí hồ sơ là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.855.613 đồng.

Tương tự như lần 1, từ lần 2 đến lần 9 (Gồm các ngày: 20/02/2025 (lần 2), 19/03/2025 (lần 3), 29/03/2025 (lần 4), 07/04/2025 (lần 5), 15/04/2025 (lần 6),

02/05/2025 (lần 7), 17/05/2025 (lần 8), 28/05/2025 (lần 9)), mỗi lần vay (đã tất toán xong các lần vay này) P cho Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn đóng 13 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền gốc là 1.538.462 đồng và tiền lãi là 461.538 đồng). Số tiền Đ đã đóng sau khi kết thúc từng dây nợ là 26.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả của từng lần vay là 6.000.000 đồng. Như vậy theo quy Đ thì tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên mỗi dây vay là 144.387 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu trên từng dây vay là 5.855.613 là đồng, phí hồ sơ từng dây vay là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà P đã thu của từng dây vay là 6.855.613 đồng.

Riêng lần 10: Ngày 06/06/2025, P cho Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn đóng 13 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền gốc là 1.538.462 đồng và tiền lãi là 461.538 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 26.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 144.387 đồng). Đ trả được 05 ngày, còn lại 08 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà Đ đã đóng của lần vay thứ 10 này là 2.000.000 đồng x 05 ngày = 10.000.000 đồng. Trong đó, Số tiền lãi thực tế đã thu là 461.538 đồng x 05 ngày = 2.307.692 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự được phép thu thực tế đã đóng là 55.533 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã đóng trên dây vay là 2.252.159 đồng, phí hồ sơ 1.000.000 đồng. Tổng số tiền P thu lợi bất chính thực tế đã thu là 3.252.159 đồng.

Số tiền nợ gốc mà Đ còn phải trả cho P là 1.538.462 x 08 ngày = 12.307.696 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho Đ vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 10 lần là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 66.307.692 đồng. Tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 1.355.013 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 64.952.679 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 2,31%/ngày tương ứng 842,31%/năm, vượt quá 822,31%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(3) Trần Quốc V: ngày 20/03/2025 V gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau:

Vay số tiền 3.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng), tương đương lãi suất 01%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền V phải trả sau khi kết thúc lần vay là 3.750.000 đồng. Trả phí hồ sơ 150.000 đồng (Chỉ thu phí hồ sơ lần vay 1 và 2, các lần vay sau không thu phí hồ sơ). Thanh toán trước 02 ngày là 300.000 đồng.

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T đến tài khoản của V số 88746125xx-TRAN QUOC V-

BIDV. V trả tiền cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của V số 88746125xx-TRAN QUOC V-BIDV đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Các lần vay như sau: P cho V vay tổng cộng 06 lần từ ngày 20/03/2025 đến ngày 09/06/2025, đã hoàn tất 5 lần vay, còn lần 6 ngày 09/6/2025 đóng được 03 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên V không chuyển khoản nữa. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/03/2025, P cho V vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền V phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng. Tuy nhiên vì V thanh toán luôn trong ngày nên P giảm bớt cho V 01 ngày trả tiền (tưởng ứng với số tiền (cả lãi và gốc) là 150.000 đồng) nên số tiền lãi V phải trả của lần vay này là 600.000 đồng, trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự thực tế cho phép thu của lần vay này (24 ngày) là 39.984 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế của lần vay này là 560.016 đồng, phí hồ sơ là 150.000 đồng. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính là 710.016 đồng.

Lần 2: Ngày 31/3/2025, P cho V vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền V phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng. Như vậy, Tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 708.350 đồng, phí hồ sơ là 150.000 đồng. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính là 858.350 đồng.

Tương tự từ lần 3 đến lần 5 (Ngày 15/4/2025 (lần 3), ngày 01/5/2025 (lần 4), ngày 22/5/2025 (lần 5)), mỗi lần vay P cho V vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền V phải đóng sau khi kết thúc từng lần vay là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả của từng lần vay là 750.000 đồng. Như vậy, Tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên từng lần vay là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu trên từng lần vay là 708.350 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà P đã thu của từng lần vay là 708.350 đồng.

Riêng lần 6, ngày 09/06/2025, P cho V vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng). V mới trả được 03 ngày, còn lại 22 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà V đã đóng cho lần 6 này là 150.000 đồng

x 03 ngày = 450.000 đồng. Trong đó, Số tiền lãi thực tế đã thu là 30.000 đồng x 03 ngày = 90.000 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã thu là 4.998 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính thực tế đã thu trên dây vay là 85.002 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền P thu lợi bất chính thực tế đã thu cho lần vay này là 85.002 đồng.

Số tiền nợ gốc mà V còn phải trả cho P là 120.000 đồng x 22 ngày = 2.640.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho V vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 06 lần là 18.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 3.990.000 đồng. Trong đó, Tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 211.582 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 3.778.418 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 0,83%/ngày tương ứng 302,95%/năm, vượt quá 282,95%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(4) Trần Văn C: ngày 03/04/2025 C gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau:

Vay số tiền 4.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng và tiền lãi là 40.000 đồng), tương ứng lãi suất 01%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền C phải trả sau khi kết thúc lần vay là 5.000.000 đồng. Trả phí hồ sơ 200.000 đồng (Chỉ thu phí hồ sơ lần 1, các lần vay sau không thu phí hồ sơ). Thanh toán trước 02 ngày là 400.000 đồng.

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của C số 9869781807-TRAN VAN CUONG-V. C trả cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của C số 9869781807-TRAN VAN CUONG-V đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Các lần vay như sau: P cho C vay tổng cộng 03 lần từ ngày 03/4/2025 đến ngày 28/5/2025, đã hoàn tất 02 lần vay, còn lần 3 ngày 28/5/2025 đóng được 15 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên C không chuyển khoản nữa. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 03/04/2025, P cho C vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng và tiền lãi là 40.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 1.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự thực tế cho phép thu trên dây vay là 55.533 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 944.467 đồng, phí hồ sơ là 200.000 đồng. Tổng số tiền mà P thu lợi bất chính cho lần vay này là 1.144.467 đồng.

Lần 2: Ngày 14/05/2025, P cho C vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000

đồng và tiền lãi là 40.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 1.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự thực tế cho phép thu trên lần vay này là 55.533 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên lần vay này là 944.467 đồng, không phí hồ sơ. Vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính mà P đã thu là 944.467 đồng.

Riêng lần 3: Ngày 28/05/2025, P cho C vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng và tiền lãi là 40.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 100.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 55.533 đồng).

C mới trả được 15 ngày, còn lại 10 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà C đã đóng của lần vay thứ 3 này là 200.000 đồng x 15 ngày = 3.000.000 đồng. Trong đó, Số tiền lãi thực tế đã thu là 40.000 đồng x 15 ngày = 600.000 đồng, số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã đóng là 33.320 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính thực tế đã thu của lần vay này là 566.680 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền P thu lợi bất chính thực tế đã thu của lần vay này là 566.680 đồng.

- Số tiền nợ gốc mà C còn phải trả cho P là 160.000đ x 10 ngày = 1.600.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho C vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 03 lần là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 2.800.000 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 144.387 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 2.655.613 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(5) Nguyễn Thành T: Ngày 15/04/2025 T gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau:

Vay số tiền 3.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng (Tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi 30.000 đồng), tương đương lãi suất 1%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc dây vay là 3.750.000 đồng. Trả phí hồ sơ 150.000 đồng (Chỉ thu phí hồ sơ lần 1, các lần vay sau không thu phí hồ sơ). Thanh toán trước 02 ngày là 300.000 đồng.

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của T số 19030896006026-NGUYEN THANH TU-T hoặc có lần giao bằng tiền mặt. T trả cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của T số 19030896006026-NGUYEN THANH TU-T đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Các lần vay như sau: P cho T vay tổng cộng 04 lần từ ngày 15/4/2025 đến ngày 08/6/2025, đã hoàn tất 03 lần vay, còn lần 4 ngày 08/6/2025 đóng được 05 ngày thì P bị Cơ quan Công an bắt, khởi tố, tạm giam nên T không chuyển khoản tiếp nữa. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/04/2025, P cho T vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 150.000 đồng (Tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi 30.000 đồng). Số tiền C đã đóng sau khi kết thúc dây nợ này là 3.750.000 đồng, trong đó dố tiền lãi phải trả là 750.000 đồng. Như vậy, tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 708.350 đồng, phí hồ sơ là 150.000 đồng. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính 858.350 đồng.

Các lần vay: Lần 2 (ngày 03/5/2025) và lần 3 (ngày 20/5/2025), mỗi lần vay P cho T vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng 150.000 đồng (Tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng. Như vậy tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên từng lần vay là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu của từng lần vay là 708.350 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền thu lợi bất chính từng lần vay 708.350 đồng.

Riêng lần 4: Ngày 08/6/2025, P cho T vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng 150.000 đồng (Tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay này là 41.650 đồng).

T mới trả được 05 ngày, còn lại 20 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà T đã đóng của lần 4 này là 150.000 đồng x 05 ngày = 750.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thực tế đã thu là 30.000 đồng x 05 ngày = 150.000 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã thu là 8.330 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính thực tế đã thu trên dây vay này là 141.670 đồng, không thu phí hồ sơ. Vậy tổng số tiền P thu lợi bất chính thực tế đã thu cho lần vay này là 141.670 đồng.

Số tiền nợ gốc mà T còn phải trả cho P là 120.000 x 20 ngày = 2.400.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho T vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 04 lần là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 2.600.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 133.280 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự 2.416.720 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(6) Mai Thế H: Ngày 19/05/2025 H gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận như sau:

Vay số tiền 5.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng (tiền gốc 200.000 đồng, tiền lãi 50.000 đồng), tương đương lãi suất 01%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc dây vay là 6.250.000 đồng. Không thu phí hồ sơ. Thanh toán trước 02 ngày là 500.000 đồng.

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của H số 1008681349xx-MAI THE H-V. H trả cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản số 1008681349xx-MAI THE H-V của H đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T và có những lần H chuyển khoản từ ứng dụng C của H cho P.

Các lần vay như sau: P cho H vay tổng cộng 02 lần từ ngày 19/05/2025 đến ngày 09/06/2025, đã hoàn tất 01 lần vay, còn lần 2 ngày 09/06/2025 đóng được 05 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên H không chuyển khoản nữa.

1/Lần 1: Ngày 19/05/2025, P cho H vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 250.000 đồng (tiền gốc 200.000 đồng, tiền lãi 50.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 6.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 1.250.000 đồng. Như vậy theo quy Đ thì tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự thực tế cho phép thu trên lần vay là 69.417 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 1.180.583 đồng (không trả phí hồ sơ). Tổng số tiền mà P đã thu lợi bất chính của lần vay này là 1.180.583 đồng.

2/Lần 2: Ngày 09/06/2025, P cho H vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 250.000 đồng (tiền gốc 200.000 đồng, tiền lãi 50.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc lần vay là 6.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 1.250.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 69.427 đồng. H mới trả được 05 ngày, còn lại 20 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà H đã đóng của lần vay thứ 2 này là 250.000 đồng x 05 ngày = 1.250.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thực tế mà P đã thu là 50.000 đồng x 05 ngày = 250.000 đồng. Số tiền lãi theo luật dân sự thực tế đã đóng là 13.883 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính thực tế trên dây vay đã thu là 236.117 đồng (không thu phí hồ sơ). Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 236.117 đồng.

Số tiền nợ gốc H còn phải trả cho P là 200.000 đồng x 20 ngày = 4.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho H vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 02 lần vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 1.500.000 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 83.300 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ

đi lãi suất theo quy Đ Bộ luật dân sự là 1.416.700 đồng (không thu phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm, đã vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(7) Nguyễn Xuân P: Ngày 20/02/2025 P gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau:

Vay số tiền 10.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (tiền gốc là 400.000 đồng và tiền lãi là 100.000 đồng), tương đương lãi suất 01%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc lần vay là 12.500.000 đồng (Áp dụng cho các lần vay 1,2,3, còn các lần vay thứ 4,5 là vay trong 42 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng (tiền gốc là 238.095 đồng và tiền lãi là 61.905 đồng), tương đương lãi suất 0,62%/ngày tương ứng 225,95%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc lần vay là 12.600.000 đồng). Trả phí hồ sơ mỗi dây vay 500.000 đồng. Thanh toán trước 02 ngày là 1.000.000 đồng (Áp dụng cho các lần vay 1,2,3, còn các lần vay 4,5 thì thanh toán trước 02 ngày là 600.000 đồng)

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của P số 42019519xx-NGUYEN XUAN P-T. P trả tiền cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 42019519xx-NGUYEN XUAN P-T đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Các lần vay như sau: P cho P vay tổng cộng 05 lần từ ngày 20/02/2025 đến ngày 18/04/2025, đã hoàn tất 4 lần vay, còn lần 5 ngày 06/05/2025 đóng được 30 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên P không chuyển khoản nữa.

Lần 1: Ngày 20/02/2025, Lần 2 (ngày 08/03/2025) và lần 3 (ngày 20/3/2025), P cho P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 500.000 đồng (tiền gốc là 400.000 đồng và tiền lãi là 100.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 2.500.000 đồng. Như vậy theo quy Đ thì tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên mỗi lần vay này là 138.833 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu trên mỗi lần vay này là 2.361.167 đồng, phí hồ sơ từng lần vay là 500.000 đồng. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính trên từng lần vay là 2.861.167 đồng.

Lần 4: Ngày 18/4/2025, P cho P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn đóng 42 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 300.000 đồng (tiền gốc là 238.095 đồng và tiền lãi là 61.905 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 12.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 2.600.000 đồng. Như vậy theo quy Đ thì tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên lần vay này là 233.240 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên lần vay này là 2.366.760 đồng, phí hồ sơ là 500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.866.670 đồng.

Riêng lần 5: Ngày 06/05/2025, P cho P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn đóng 42 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng (tiền gốc là 238.095 đồng và tiền lãi là 61.905 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 12.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 2.600.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 233.240 đồng). P mới trả được 30 ngày, còn lại 12 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà P đã đóng của lần vay thứ 5 này là 300.000 đồng x 30 ngày = 9.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thực tế đã thu là 61.905 đồng x 30 ngày = 1.857.150 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã thu là 166.600 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính thực tế đã thu trên dây vay là 1.690.543 đồng, phí hồ sơ là 500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà P thực tế đã thu của dây vay này là 2.190.543 đồng.

Số tiền nợ gốc mà P còn phải trả cho P là 238.095 đồng x 12 ngày = 2.857.140 đồng.

Như vậy Nguyễn Văn P đã cho P vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 05 lần vay là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 14.457.143 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật dân sự được phép thu là 816.340 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 13.640.803 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương từ 0,62% đến 01%/ngày tương ứng từ 225,95% đến 365%/năm, vượt quá từ 205,95% đến 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(8) Phạm Thanh P: Ngày 04/05/2025 Phạm Thanh P gặp P để thỏa thuận vay tiền của P. Hai bên thỏa thuận vay góp như sau:

Vay số tiền 3.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng), tương ứng lãi suất 01%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc lần vay là 3.750.000 đồng. Thu phí hồ sơ 150.000 đồng (thu cho lần vay đầu tiên, lần vay thứ 2, 3 không thu phí hồ sơ). Thanh toán trước 02 ngày là 300.000 đồng (Áp dụng cho các lần vay 1,3, còn lần vay thứ 2 thì thanh toán trước 01 ngày là 150.000 đồng)

P chuyển tiền vay lần 1 cho P vừa bằng tiền mặt và vừa bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của P số 19031822004011-PHAM THANH P-T. P trả tiền cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 19031822004011-PHAM THANH P-T đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Các lần vay như sau: P cho Phạm Thanh P vay tổng cộng 03 lần từ ngày 04/05/2025 đến ngày 04/06/2025, đã hoàn tất 2 lần vay, còn lần 3 ngày 04/06/2025 đóng được 10 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên P không chuyển khoản nữa.

Lần 1: Ngày 04/05/2025, P cho P vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng), phí hồ sơ là 150.000 đồng. Số tiền đã đóng sau khi kết thúc lần vay này là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng. Như vậy theo quy Đ thì tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 708.350 đồng, phí hồ sơ là 150.000 đồng. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính của lần vay này là 858.350 đồng.

Tương tự: Lần 2 ngày 18/05/2025, P cho P vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền đã đóng sau khi kết thúc dây nợ là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đã trả là 750.000 đồng. Như vậy theo quy Đ thì tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên lần vay này là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên lần vay này là 708.350 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính của lần vay này là 708.350 đồng.

Riêng lần 3: Ngày 04/06/2025, P cho P vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và tiền lãi 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc lần vay là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng). P mới trả được 10 ngày, còn lại 15 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà P đã đóng của lần vay thứ 3 này là 150.000 đồng x 10 ngày = 1.500.000 đồng. Trong đó số tiền lãi thực tế đã thu là 30.000 đồng x 10 ngày = 300.000 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã đóng là 16.660 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính thực tế đã thu trên dây vay là 283.340 đồng, không thu phí hồ sơ. Vậy tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế mà P đã thu là 283.340 đồng.

Số tiền nợ gốc mà P còn phải trả cho P là 120.000đ x 15 ngày = 1.800.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho Phạm Thanh P vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 03 lần là 9.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 1.950.000 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật dân sự được phép thu là 99.960 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 1.850.040 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm, đã vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(9) Nguyễn Thị Kiều M: P cho M vay tiền 03 lần, đã hoàn tất 2 lần vay, còn lần 3 ngày 05/06/2025 đóng được 08 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên M không chuyển khoản nữa. Lần thứ nhất, P đưa tiền vay cho M bằng tiền mặt,

lần thứ 2 P chuyển khoản cho M bằng số tài khoản số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank, còn M trả tiền lãi ngày cho P bằng chuyển khoản từ các tài khoản của M số 050146287945-NGUYEN THI KIEU M-SACOMBANK đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 12/04/2025 P cho M vay số tiền 2.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng (tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi 20.000 đồng), tương đương lãi suất là 01% ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả một sau khi kết thúc dây vay là 2.500.000 đồng. Không trả phí hồ sơ. Số tiền lãi phải trả là 500.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 27.767 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu của lần vay này là 472.233 đồng, không thu phí hồ sơ. Vậy, tổng số tiền bị cáo P đã đã thu lợi bất chính của lần vay này là 472.233 đồng.

Lần 2 ngày 02/05/2025 P cho M vay số tiền 3.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi 30.000 đồng), tương đương lãi suất là 01% ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc dây vay là 3.750.000 đồng. Không trả phí hồ sơ. Số tiền lãi phải trả 750.000 đồng. Như vậy số tiền lãi tính theo luật dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu cảu lần vay này là 708.350 đồng, không thu phí hồ sơ. Vậy tổng số tiền bị cáo P đã thu lợi bất chính là 708.350 đồng.

Riêng lần thứ 3: Ngày 05/06/2025 bị cáo P cho M vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc lần vay này là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu của lần vay này là 41.650 đồng). M trả được 08 ngày, còn lại 17 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà M đã đóng của lần vay thứ 3 này là 150.000 đồng x 08 ngày = 1.200.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thực tế đã thu là 30.000 đồng x 08 ngày = 240.000 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật dân sự thực tế đã đóng là 13.328 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu trên dây vay này là 226.672 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính của lần vay này là 226.672 đồng.

Số tiền nợ gốc mà M còn phải trả cho bị cáo P là 120.000 x 17 ngày = 2.040.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho M vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 03 lần vay là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 1.490.000 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật dân sự được phép thu là 82.745 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ

đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 1.407.255 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm, đã vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(10) Nguyễn Thị Hồng Y: P cho Y vay tiền 03 lần, đã hoàn tất 2 lần vay, còn lần 3 ngày 10/06/2025 đóng được 04 ngày thì P bị Cơ quan Công an phát hiện nên Y không chuyển khoản nữa.

P chuyển tiền vay bằng chuyển khoản từ tài khoản của P số 662866666xxx-NGUYEN VAN P-LPBank đến tài khoản của Y số 66042050998xx-NGUYEN THI HONG Y-AGRIBANK. Y trả tiền cho P bằng chuyển khoản từ tài khoản của Y số 66042050998xx-NGUYEN THI HONG Y-AGRIBANK đến tài khoản của P số 71070619xx-NGUYEN VAN P-T.

Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 24/04/2025 P cho Y vay số tiền 2.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng (tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi 20.000 đồng), tương đương lãi suất là 01%/ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc dây vay là 2.500.000 đồng. Số tiền lãi phải trả là 500.000 đồng. Như vậy số tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 27.767 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 472.233 đồng, thu phí hồ sơ là 100.000 đồng. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính là 572.233 đồng.

Lần 2: Ngày 18/05/2025 P và Y vay số tiền 2.000.000 đồng. Vay trong 25 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng (tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi 20.000 đồng), tương đương lãi suất là 01% ngày tương ứng 365%/năm, số tiền phải trả sau khi kết thúc dây vay là 2.500.000 đồng. Không trả phí hồ sơ. Số tiền lãi phải trả là 500.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 27.767 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế trên dây vay là 472.233 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền tôi đã thu lợi bất chính là 472.233 đồng.

Riêng lần 3: Ngày 10/06/2025, P cho Y vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, không thu phí hồ sơ, mỗi ngày đóng tiền 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc lần vay này là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu cảu lần vay này là 41.650 đồng). Y đã trả được 04 ngày, còn lại 21 ngày chưa trả nên tổng số tiền mà Y đã đóng của lần vay thứ 3 này là 150.000 đồng x 04 ngày = 600.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thực tế đã thu là 30.000 đồng x 04 ngày = 120.000 đồng. Số tiền lãi theo Bộ luật Dân sự thực tế đã thu là 6.664 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu của lần vay này là 113.336 đồng, không thu phí hồ sơ. Tổng số tiền P đã thu lợi bất chính là 113.336 đồng.

Số tiền nợ gốc mà Y còn phải trả cho P là 120.000 x 21 ngày = 2.520.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn P đã cho Y vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 03 lần là 7.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu 1.220.000 đồng. Trong đó, tổng tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 62.197 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 1.157.803 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương 01%/ngày tương ứng 365%/năm, đã vượt quá 345%/năm theo quy Đ tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tóm lại, từ tháng 5/2025 đến khi bị phát hiện ngày 11/06/2025, Nguyễn Văn P đã cho 10 người vay Trần Thị Thanh T, Nguyễn Hữu Đ, Trần Quốc V, Trần Văn C, Nguyễn Thành T, Mai Thế H, Nguyễn Xuân P, Phạm Thanh P, Nguyễn Thị Kiều M và Nguyễn Thị Hồng Y vay góp với tổng số tiền là 446.000.000 đồng và tổng số tiền lãi đã thu về là 125.744.835 đồng (Trong đó: tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự được phép thu là 4.614.820 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật dân sự là 121.130.015 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương từ 0,62%/ngày đến 2,31%/ngày tương ứng với từ 225,95%/năm đến 842,31%/năm (Đã vượt quá 5 lần lãi suất quy Đ là 0,0547%/ngày tương ứng với 20%/năm).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, 128GB, số IMEI: 353843249383577, số IMEI2: 353843249528643, đã qua sử dụng.

- Chị Phùng Thị H (vợ bị cáo P) đã nộp số tiền 50.000.000 đồng vào Kho bạc Nhà nước (Tài khoản số 39490105524500000 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước khu vực II) để khắc phục một phần hậu quả cho Nguyễn Văn P.

Cơ quan điều tra đã chuyển vật chứng này đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 chờ xử lý theo quy Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thị Thanh T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thành T, Mai Thế H, Phạm Thanh P, Nguyễn Thị Hồng Y không yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền lãi mà P đã thu lợi bất chính, ngoài ra không có yêu cầu gì khác; Trần Văn C, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Thị Kiều M có yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền lãi mà P đã thu lợi bất chính, ngoài ra không có yêu cầu gì khác; Trần Quốc V có yêu cầu P trả lại số tiền lãi mà P đã thu lợi bất chính. V sẽ khấu trừ vào số tiền mà V còn nợ gốc của bị cáo P để sung công quỹ Nhà nước, nếu còn dư thì V không yêu cầu nhận lại.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của những

người vay Trần Thị Thanh T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thành T, Mai Thế H, Phạm Thanh P, Nguyễn Thị Hồng Y, Trần Văn C, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Thị Kiều M, Trần Quốc V cùng các chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 120/CT-VKS-KV9 ngày 05/9/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết Đ tội, Đ khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 2 Điều 201 điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Đối với số tiền vốn mà bị cáo dùng để cho vay sau khi được cấn trừ số tiền gốc mà những người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui Đ của Bộ luật dân sự mà bị cáo thu của những người cho vay. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm hoạt động cho vay thường gắn đến những băng nhóm tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Buộc những người đi vay nộp lại số tiền gốc mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người đi vay số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 30 triệu đến 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, 128GB, số IMEI: 353843249383577, số IMEI2: 353843249528643, đã qua sử dụng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết Đ tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà bà Phùng Thị H (vợ bị cáo P) đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo vào Kho bạc Nhà nước (Tài khoản số

39490105524500000 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước khu vực II) đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1]Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết Đ tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T; ông Nguyễn Hữu Đ; ông Nguyễn Thanh T; ông Mai Thể H; ông Phạm Thanh P; bà Nguyễn Thị Hồng Y không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đối với ông Trần Văn C; ông Nguyễn Xuân P; bà Nguyễn Thị Kiều M có yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đối với ông Trần Quốc V có yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo P đã thu của ông và đề nghị cấn trừ vào số tiền gốc mà ông chưa trả đủ cho bị cáo nếu còn dư thì ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông, vì vậy căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]Về tội danh: Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng thì bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã thu giữ, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận Đ: Từ tháng 5/2025 đến khi bị phát hiện ngày 11/06/2025, bị cáo Nguyễn Văn P đã cho 10

người vay tiền với lãi suất cao bao gồm Trần Thị Thanh T, Nguyễn Hữu Đ, Trần Quốc V, Trần Văn C, Nguyễn Thành T, Mai Thế H, Nguyễn Xuân P, Phạm Thanh P, Nguyễn Thị Kiều M và Nguyễn Thị Hồng Y hình thức vay góp với tổng số tiền cho vay là 446.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 125.744.835 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 4.614.820 đồng, tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật dân sự là 121.130.015 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Lãi suất tương đương từ 0,62%/ngày đến 2,31%/ngày tương ứng với từ 225,95%/năm đến 842,31%/năm (Đã vượt quá 5 lần lãi suất quy Đ là 0,0547%/ngày tương ứng với 20%/năm). Vì vậy đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội danh và hình phạt được quy Đ tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng số 120/CT-VKS.KV9 ngày 05/9/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, nó mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng thậm chí còn có thể phải bán tài sản nhà cửa để trả nợ…Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội…mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến mất khả năng chi trả. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bị cáo đã lợi dụng những người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất thật cao. Bị cáo đã ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình để nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính để khắc

phục hậu quả đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy Đ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy Đ của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng thời qua đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, thời gian được cho tại ngoại đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phù hợp Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V Nam đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn hối cải.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền lãi mà bị cáo đã thu cao hơn qui Đ của Bộ luật dân sự. Đây là khoản thu lợi bất chính cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người đi vay tuy nhiên bà Trần Thị Thanh T; ông Nguyễn Hữu Đ; ông Nguyễn Thanh T; ông Mai Thể H; ông Phạm Thanh P; bà Nguyễn Thị Hồng Y không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử quyết Đ buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

Đối với bà Trần Thị Thanh T bị cáo cho vay 30 lần. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã thu của bà T sau khi trừ lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 27.853.984 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 27.853.984 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Nguyễn Hữu Đ vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 10 lần là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu sau khi trừ lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 64.952.679 đồng. Cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 64.952.679 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Nguyễn Thanh T bị cáo cho vay 04 lần là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 2.416.720 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 2.416.720 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Mai Thể H bị cáo cho ông H vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 02 lần vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ Bộ luật dân sự là 1.416.700 đồng (không thu phí hồ sơ). Cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.416.700 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bà Nguyễn Thị Hồng Y bị cáo cho vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 03 lần là 7.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 1.157.803 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.157.803 để sung quỹ Nhà nước.

Ông Phạm Thanh P bị cáo cho vay với hình thức vay tiền góp với tổng số tiền cho vay của 03 lần là 9.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự là 1.850.040 đồng (đã bao gồm phí hồ sơ). Cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.850.040 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Trần Văn C; Nguyễn Xuân P; Nguyễn Thị Kiều M có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại bà Nguyễn Thị Kiều M số tiền 1.407.255 đồng; trả lại cho ông Trần Văn C số tiền 2.655.613 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 13.640.803 đồng.

Đối với ông Trần Quốc V bị cáo cho ông V vay tổng cộng 06 lần từ ngày 20/3/2025 đến ngày 09/6/2025, đã tất toán 05 lần vay, còn lần thứ 06 bị cáo cho ông V vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo Bộ luật Dân sự cho phép thu trên dây vay là 41.650 đồng). Ông V mới trả được 03 ngày, còn lại 22 ngày chưa trả. Ông có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất mà bị cáo đã thu. Nhưng ông V đề nghị khấu trừ vào số tiền nợ gốc mà ông chưa trả đủ cho bị cáo P, nếu còn dư thì ông không yêu cầu nhận lại. Như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo quy Đ của Bộ luật Dân sự của 06 lần vay là 3.778.418 đồng - 2.640.000 đồng(tiền gốc chưa trả đủ) = 1.138.418 đồng. Do đó cần buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.138.418 đồng để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà Phùng Thị H(vợ của bị cáo) đã nộp vào Kho bạc Nhà nước (Tài khoản số 39490105524500000 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước khu vực II) để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo. Hội đồng xét xử quyết Đ được cấn trừ vào số tiền mà bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền vốn gốc mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo là 35.044.836 đồng cần buộc những người đi vay phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

Đối với bà Trần Thanh T còn nợ lại 18 ngày tiền gốc: 160.000/1 ngày x 18 = 2.880.000 cần buộc bà T nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Nguyễn Hữu Đ còn nợ lại 08 ngày tiền gốc: 1.538.462 x 8 = 12.307.696 đồng cần buộc ông Đ nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Trần Quốc V còn nợ lại 22 ngày tiền gốc : 120.000 x 22 = 2.640.000 đồng do ông yêu cầu được cấn trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của ông. Số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của ông V sau khi trừ đi lãi xuất theo qui Đ là 3.778.418 – 2.640.000 = 1.138.418 do ông không yêu cầu nhận lại số tiền này nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Trần Văn C còn nợ lại 10 ngày tiền gốc: 160.000 x 10 = 1.600.000 đồng cần buộc ông C nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Nguyễn Thành T còn nợ lại 20 ngày tiền gốc: 120.000 x 20 = 2.400.000 đồng cần buộc ông T nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Mai Thế H còn nợ lại 20 ngày tiền gốc: 200.000 x 20 = 4.000.000 đồng cần buộc ông H nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Nguyễn Xuân P còn nợ lại 12 ngày tiền gốc: 238.095 x 12 = 2.857.140 đồng cần buộc ông Xuân P nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với ông Phạm Thanh P còn nợ lại 15 ngày tiền gốc: 120.000 x 15 = 1.800.000 đồng cần buộc ông Thanh P nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bà Nguyễn Thị Kiều M còn nợ lại 17 ngày tiền gốc: 120.000 x 17 = 2.040.000 đồng cần buộc bà M nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bà Nguyễn Thị Hồng Y còn nợ lại 21 ngày tiền gốc: 120.000 x 21 = 2.520.000 đồng cần buộc bà Y nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền vốn bị cáo bỏ ra để cho vay sau khi được cấn trừ số tiền mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại và trừ đi số tiền bị cáo nộp để khắc phục hậu quả phần còn lại Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại để sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

Số tiền bỏ ra cho vay 446.000.000(tiền bỏ ra cho vay) – 35.044.836(tiền gốc người đi vay chưa trả hết) – 50.000.000(tiền bị cáo nộp để khắc phục hậu quả) = 360.955.164 đồng buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính của những người đi vay là 99.647.926 đồng do người đi vay bà T, ông Đ, ông T, ông H, ông Thanh P, bà Y không yêu cầu bị cáo trả lại nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui Đ của Bộ luật dân sự là 4.614.820 đồng mà bị cáo thu của những người đi vay. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm Hội đồng xét xử quyết Đ buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung quy Đ tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án quyết Đ phạt bổ sung bị cáo số tiền 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, 128GB, số IMEI: 353843249383577, số IMEI2: 353843249528643, đã qua sử dụng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết đinh tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với tài khoản của vợ bị cáo P là Phùng Thị H số 5552xxxxxx-PHUNG THI H- Ngân hàng T được P sử dụng để chuyển khoản vay tiền ngày 08/5/2025 cho Trần Thị Thanh T số tiền 3.400.000 đồng. Quá trình điều tra xác Đ, từ khoảng năm 2023 đến nay, Phùng Thị H mở quán bán hàng café và nước tại bãi giữ xe Đình Sơn thuộc khu vực xã Tân Nhựt, TP Hồ Chí Minh, thu nhập hàng tháng không cố Đ, giao động từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Hàng tháng Hiền và bị cáo P cùng góp chung một khoản tiền nhất Đ để dùng nuôi con ăn học và chi tiêu sinh hoạt phí cho gia đình, còn lại thì tiền của ai làm ra người đó giữ. Số tiền chung này thì Hiền là người giữ và chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Hiền có lập và sử tài khoản số 5552xxxxxx-PHUNG THI H-Ngân hàng T trong các giao dịch chuyển khoản của mình. Tuy nhiên Hiền có nói mật khẩu cho P biết để phòng trường hợp khi Hiền đi đâu đâu vắng nhà thì P có thể đăng nhập vào tài khoản ngân hàng và sử dụng số tiền còn dư trong tài khoản để trang trải sinh hoạt phí trong gia đình mà bị cáo P cần giải quyết trong thời gian Hiền vắng nhà. Do mỗi người có công việc riêng, có nguồn thu nhập riêng từ công việc của mình nên cả P và Hiền không hỏi gì về công việc của nhau nên Hiền không biết là bị cáo P cho người khác vay tiền có tính lãi suất. Sau khi làm việc với Cơ quan Công an thì Hiền mới biết việc P tự ý lấy tài khoản của Hiền cho vay người khác vay tiền có tính lãi và cho vay với lãi suất vượt quá quy Đ của pháp luật. Hiền không quen biết người nào tên Trần Thị Thanh T; Quá trình điều tra bị cáo P khai nhận, khi cho Trần Thị Thanh T vay tiền thì P đã đăng nhập vào tài khoản của Hiền và tự thực hiện chuyển khoản số tiền 3.400.000 đồng từ tài khoản của Hiền đến tài khoản của T. P không nói cho Hiền biết về việc cho người khác vay liền lấy lãi, Hiền không biết, không liên quan, không giúp sức gì cho bị cáo P trong việc bị cáo P cho người khác vay tiền. Lời khai của P phù hợp với lời khai của Hiền, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hơn nữa, số tiền thu lợi bất chính của dây vay ngày 08/5/2025 là 1.144.467 đồng. Qua xác minh, Hiền chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, không đủ căn cứ xử lý Phùng Thị H đồng phạm với Nguyễn Văn P về hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy Đ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

1. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 201, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01(một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02(hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui Đ tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết Đ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P nộp lại số tiền 466.356.328 để sung quỹ Nhà nước. Nộp ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Trần Thanh T nộp lại số tiền 2.880.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Hữu Đ nộp lại số tiền 12.307.696 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông Trần Văn C nộp lại số tiền 1.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Thành T nộp lại số tiền 2.400.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông Mai Thế H nộp lại số tiền 4.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Xuân P nộp lại số tiền 2.857.140 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông Phạm Thanh P nộp lại số tiền 1.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều M nộp lại số tiền 2.040.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y nộp lại số tiền 2.520.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Các ông bà nêu trên thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải trả lại cho ông Trần Văn C số tiền 2.655.613 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 13.640.803 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều M là 1.407.255 đồng. Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác Đ theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy Đ tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy Đ tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, 128GB, số IMEI: 353843249383577, số IMEI2: 353843249528643.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số NK25/409TV ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 885.183(Tám trăm tám mươi lăm nghìn một trăm tám mươi ba) đồng nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án

(Chủ tọa đã giải thích chế Đ về án treo)

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV9- TPHCM;
- Phòng THADS KV 9 – TPHCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PV06 Công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu, HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tín